

V/v triển khai thực hiện Quyết
định số 1177/QĐ-UBND ngày
05/5/2017 của Chủ tịch UBND
tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 01 tháng 6 năm 2017

Kính gửi: Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở Tài chính.

Ngày 05/5/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 1177/QĐ-UBND về việc công bố Chỉ số theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính năm 2017 của các sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn. Trong đó, kết quả đánh giá, xếp hạng CCHC năm 2016 của Sở Tài chính đạt 78,1/100 điểm, xếp hạng 04/20 đơn vị các sở, ban thuộc tỉnh (tăng 4 bậc so với kết quả đánh giá, xếp hạng CCHC năm 2015 là 65,75/100 điểm, xếp hạng 8/21 đơn vị các sở, ban, ngành). Tuy nhiên, vẫn còn 22 Tiêu chí/tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa hoặc chưa đạt điểm, cần tổ chức khắc phục, rút kinh nghiệm (*theo Phụ lục đính kèm*).

Nhằm phát huy những kết quả đã đạt được và tiếp thu, rút kinh nghiệm, khắc phục những tồn tại, hạn chế về kết quả đánh giá, xếp hạng chỉ số cải cách hành chính năm 2016, đề ra những giải pháp thực hiện góp phần nâng cao hơn nữa chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của Sở. Ban Giám đốc đề nghị Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp sau:

1. Khẩn trương quán triệt đến công chức thuộc phòng những Tiêu chí/tiêu chí thành phần còn tồn tại, hạn chế theo kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2016 của Sở Tài chính tại Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 Chủ tịch UBND tỉnh (*Phụ lục đính kèm*).

- Tổ chức rà soát, đánh giá, phân tích nguyên nhân những Tiêu chí/tiêu chí thành phần còn tồn tại, hạn chế thuộc trách nhiệm của phòng để đề ra giải pháp khắc phục kịp thời và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Báo cáo Giám đốc Sở kết quả thực hiện, gửi về Văn phòng Sở để tổng hợp trước ngày 30/11/2017.

2. Tăng cường thực hiện công tác rà soát, đơn giản hóa về thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết để kịp thời tham mưu Giám đốc Sở trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố theo quy định.

3. Thường xuyên quán triệt Kế hoạch số 1095/KH-STC ngày 11/4/2017 của Sở Tài chính về việc Phát động phong trào thi đua chuyên đề “Giải quyết nhanh thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp” năm 2017 của Sở Tài chính đến công chức thuộc phòng để thực hiện theo quy định.

4. Tăng cường công tác tuyên truyền việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ trong hoạt động của Sở nhằm tạo chuyển biến rõ nét về lề lối làm việc, tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức giải quyết công việc và chủ động tham mưu Ban Giám đốc Sở trong công tác chỉ đạo, điều hành thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định nhằm tạo sự hài lòng của các tổ chức, công dân.

Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng, là tiêu chí để bình xét, thi đua khen thưởng năm 2017. Vì vậy, Ban Giám đốc Sở đề nghị Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện./. *roc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Giám đốc (chỉ đạo);
- Lưu: VT, CCHC.



GIÁM ĐỐC

Lê Ngọc Khánh

PHỤ LỤC

Thực hiện theo Tiêu chí/tiêu chí thành phần còn tồn tại, hạn chế theo kết quả xếp hạng
Chỉ số CCHC năm 2016 của Sở Tài chính
kèm theo Công văn số 489/STC-VP ngày 04/16/2017



Stt	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	1.1.3. Tất cả báo cáo (chuyên đề về tài chính công) được gửi đúng thời gian quy định (0/0,25 điểm)	Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp	
2	1.4.3. Tác động của tuyên truyền (CCHC) đối với việc nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp (0,1/1 điểm) - ĐTKS	Tất cả các phòng thuộc Sở	
3	2.3.1. Quy định (vấn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý chỉ đạo điều hành do đơn vị ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành) rõ ràng, kịp thời, mang tính khả thi cao (0,1/1 điểm) - ĐTKS	Tất cả các phòng thuộc Sở	
4	2.6.2. Về thành phần hồ sơ được quy định sau khi rà soát, đơn giản hóa (0/0,5 điểm)	Các phòng: Thanh tra, TCĐT, QLNS, QLGCS	
5	2.6.3. Có cải tiến về quy trình tiếp nhận và giải quyết TTHC bằng văn bản (0/0,5 điểm)	Các phòng: Thanh tra, TCĐT, QLNS, QLGCS	
6	3.1.2. Thời gian giải quyết hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (2/4 điểm)	Các phòng: Văn phòng, Thanh tra, TCĐT, QLNS, QLGCS	
7	3.3.5. Kết quả đánh giá của tổ chức, công dân đối với công chức tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị (0.25/2 điểm) - ĐTKS	Văn phòng	
8	4.1.1. Việc thực hiện Quy chế làm việc nội bộ của cơ quan, đơn vị (Mối quan hệ phối hợp giữa các phòng, ban, đơn vị trực thuộc trong giải quyết công việc) (0,1/1,5 điểm) - ĐTKS	Tất cả các phòng thuộc Sở	
9	4.1.2. Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị (0,1/2 điểm) - ĐTKS	Tất cả các phòng thuộc Sở	

10	4.2.1. Triển khai đầy đủ, kịp thời các nội dung quy định về tổ chức bộ máy (0,1/1 điểm) - ĐTKS	Văn phòng
11	5.2.1. Có Quy chế xét công nhận sáng kiến, cải tiến (0/1 điểm)	Văn phòng
12	6.1.1. Kết quả thực hiện cơ chế tài chính theo quy định trong năm (<i>Kết quả tăng thu nhập hàng tháng, tính trên tổng quỹ tăng thu nhập của cơ quan</i>) (0,5/1 điểm)	Văn phòng
13	7.1.1. Kết quả sử dụng hệ thống thư điện tử theo quy định của UBND tỉnh (0,1/1 điểm) - ĐTKS	Tất cả các phòng thuộc Sở
14	7.3.2. Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cung cấp DVHCCTT ở mức độ 3 (quy trình, thủ tục có liên quan đến công dân, tổ chức được tin học hóa toàn bộ) (2/3 điểm)	Các phòng: Văn phòng, TCĐT, QLNS, QLGCS
15	7.3.3. Số lượng hồ sơ tiếp nhận qua môi trường trực tuyến trong năm so với tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm (0/2 điểm)	Các phòng: Văn phòng, TCĐT, QLNS, QLGCS
16	7.4.3. Đánh giá về sự chuyển biến trong chỉ đạo điều hành khi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (0,1/1 điểm) - ĐTKS	Tất cả các phòng thuộc Sở
17	7.4.4. Thực hiện tốt Quy chế về văn hóa công sở (0,1/0,5 điểm) - ĐTKS	Tất cả các phòng thuộc Sở
18	8.2. Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị (0,1/1 điểm) - ĐTKS	Tất cả các phòng thuộc Sở
19	8.3. Kết quả thực hiện công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư kiến nghị, khiếu nại tố cáo của đơn vị (0,1/2 điểm) - ĐTKS	Phòng Thanh tra
20	8.4. Tỷ lệ hài lòng của tổ chức, công dân đối với dịch vụ hành chính công của đơn vị (0/3 điểm) - ĐTKS	Các phòng: Văn phòng, TCĐT, QLNS, QLGCS
21	8.5. Đánh giá của đại biểu HĐND, MTTQVN về chất lượng quản lý điều hành, việc giải quyết các ý kiến của cử tri... (0,5/2 điểm) - ĐTKS	Các phòng: Thanh tra, TCĐT, QLNS, TCDN, QLGCS, TCHCSN.
22	8.6. Đánh giá của UBND cấp huyện về công tác chỉ đạo, điều hành của đơn vị (0,1/1 điểm) - ĐTKS	Các phòng: Thanh tra, TCĐT, QLNS, TCDN, QLGCS, TCHCSN.